

Vốn văn hóa - Điều kiện để phát triển giáo dục gia đình

Đặng Minh Phượng

Email: phuongdm@gesd.edu.vn
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Giáo dục gia đình là hình thức giáo dục xuất hiện từ rất lâu đời nhưng đã dần biến mất khi chế độ giáo dục phổ thông được hình thành và thực hiện phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc. Ngày nay, một số nước trên thế giới đã công nhận hình thức giáo dục gia đình. Ở Việt Nam, giáo dục gia đình là hình thức giáo dục tự phát, chưa có cơ sở pháp lý và khoa học. Bài viết tập trung nghiên cứu ở Việt Nam và Nga, dựa trên dữ liệu nghiên cứu xã hội học, chứng minh rằng trong điều kiện xã hội hiện đại vốn văn hóa gia đình thông qua cơ chế kế thừa, tái sản xuất là nguồn lực phát triển giáo dục gia đình.

TỪ KHÓA: Vốn văn hóa, vốn văn hóa gia đình, giáo dục gia đình, homeschooling, Việt Nam.

→ Nhận bài 31/7/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 21/8/2023 → Duyệt đăng 15/01/2024.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410104>

1. Đặt vấn đề

Giáo dục gia đình là một lựa chọn cho phép học sinh học tập tại nhà mà không cần đến trường. Giáo dục gia đình có ưu điểm phát triển tốt đặc điểm cá nhân của đứa trẻ: đặc điểm trí tuệ, đặc điểm tâm lý và nhân cách. Tuy nhiên, hình thức giáo dục này mới chỉ được công nhận và áp dụng ở một số nước phát triển vẫn chưa được phép ở tất cả các quốc gia trên thế giới. Các đại diện nổi bật đi đầu trong lĩnh vực giáo dục gia đình bao gồm các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, Anh, Canada, Pháp, Nga... Ví dụ, hiện tại ở Mỹ có 4,3 triệu học sinh học tại nhà vào năm 2022 - theo Viện Nghiên cứu giáo dục tại nhà quốc gia (NHERI); ở Anh, theo Hiệp hội Giám đốc Dịch vụ Trẻ em (ADCS) và ở Nga theo thống kê của Chính phủ thì số lượng tham gia giáo dục gia đình của cả hai quốc gia này đều là khoảng hơn 100 nghìn học sinh.

Nhận thấy những mặt tích cực, hiệu quả của giáo dục gia đình ở các nước phát triển như Mỹ, Anh, Canada là rất khả quan nên các bậc cha mẹ Việt Nam đang dần ứng dụng giáo dục gia đình vào thực tế gia đình của mình. Vì vậy, hơn chục năm trở lại đây, giáo dục gia đình dần hồi sinh và sinh trưởng nhanh ở Việt Nam.

Ngoài các nguyên nhân chủ quan (như: trẻ có vấn đề về tâm lý hoặc sức khỏe, hay tính chất công việc của cha mẹ, nhu cầu học tập riêng của mỗi cá nhân) thì nguyên nhân khách quan là sự chưa hài lòng về chất lượng giáo dục tại trường đang chiếm đa số. Dù là nguyên nhân nào thì vốn văn hóa (bao gồm trình độ học vấn, nghề nghiệp, điều kiện vật chất, văn hóa...) như một điều kiện tất yếu dẫn đến sự lựa chọn hình thức giáo dục thay thế này. Vốn văn hóa chính là cơ sở để cha mẹ đánh giá chất lượng giáo dục trên quan điểm hiệu quả kinh tế, đầu tư giáo dục, xác định vai trò của giáo dục trong việc chuyển giao các giá trị văn hóa xã hội. Bài báo sử dụng khái niệm vốn văn hóa của nhà xã hội học người Pháp Pierre Bourdieu, kết hợp với nghiên cứu xã hội học để làm rõ ảnh hưởng của vốn văn hóa đến sự

lựa chọn cũng như phát triển của giáo dục gia đình, trên ví dụ thực tiễn ở Nga và Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận

Theo Pierre Bourdieu: “Vốn văn hóa là cấu thành tất cả các nguồn lực văn hóa mà một cá nhân có” [1]. Vốn văn hóa không chỉ bao gồm kiến thức học tập và học thuật mà còn bao gồm các khía cạnh về phẩm chất đạo đức, thói quen, nề nếp gia đình, tầng lớp xã hội, năng lực giao tiếp và giá trị vật chất mà con người sở hữu. Đây là một tài sản không chỉ vô hình mà còn hữu hình, nó có thể ảnh hưởng đến cách mọi người tham gia trong xã hội.

Giáo dục gia đình có những đặc điểm riêng, gắn liền với quá trình chăm sóc, giáo dục; là nơi gìn giữ, phát huy những nét văn hóa truyền thống tốt đẹp. Khái niệm Giáo dục gia đình (homeschooling): là hình thức giáo dục thay thế, người học thực hiện quá trình học tập chương trình giáo dục mầm non hoặc chương trình giáo dục phổ thông tại nhà, được chịu trách nhiệm bởi cha mẹ hoặc người giám hộ [2].

Bản chất của giáo dục gia đình là cha mẹ giáo dục con tại nhà thay vì gửi các em đến trường, tự quản lý quá trình học tập tại nhà, chương trình học tập lấy trẻ làm trung tâm và thời gian học tập linh hoạt. Hình thức giáo dục này nhấn mạnh vào sự phát triển cá nhân, học tập cá nhân hóa. Trong đó, cha mẹ đóng vai trò như một giáo viên của con và họ có thể sử dụng các hình thức giáo dục khác để hỗ trợ vào quá trình giáo dục tại nhà.

2.2. Tổng quan về giáo dục gia đình (Homeschooling) ở Việt Nam và Nga

Tại Việt Nam, khái niệm Homeschooling/Home Education vẫn là một thuật ngữ khá mới mẻ, chưa thực sự được chấp nhận bởi số đông và thiếu các công trình nghiên cứu. Phần lớn các phụ huynh tìm hiểu thông tin qua phương tiện truyền thông và mạng xã hội, số ít

phụ huynh đã có kinh nghiệm giáo dục homeschooling ở nước ngoài. Tính đến nay, số lượng gia đình thực hiện giáo dục tại nhà chưa có số liệu thống kê cụ thể, nhưng mỗi quan tâm về giáo dục tại nhà của các phụ huynh tăng lên theo từng năm. Facebook được coi là công cụ quan trọng kết nối các gia đình cùng có chung mục đích giáo dục gia đình. Minh chứng là nhóm cộng đồng homeschool đang hoạt động trên nền tảng mạng xã hội Facebook tăng trưởng rõ rệt. Ví dụ, nhóm “Homeschooling in Vietnam” trên Facebook, một nhóm riêng tư được thành lập từ năm 2015, có số người tham gia đạt 25 nghìn người (truy cập ngày 22 tháng 6 năm 2023). Một nhóm khác tên “Homeschooling và những người bạn”, là một nhóm công khai chia sẻ các tri thức và kinh nghiệm trong quá trình cho con học theo hình thức homeschool, nhóm được thành lập cuối năm 2018 và số lượng người tham gia nhóm đã đạt ngưỡng 116 nghìn người (truy cập ngày 01 tháng 7 năm 2023). Các chủ đề được quan tâm nhiều và đề cập trong các nhóm truyền thông xã hội bao gồm:

- Chương trình đào tạo tại nhà của Anh, Mỹ (Acellus, Abeka...); học tập với giáo viên/gia sư riêng.
- Trường đào tạo của Mỹ và chứng chỉ homeschooling được quốc tế công nhận.
- Tạo nhóm học trực tuyến (online) giữa các bé cùng trang lứa, học chung giáo trình nước ngoài tại nhà. Ngoài ra, còn có các hoạt động ngoại tuyến (offline) như thể thao, dã ngoại, văn nghệ...
- Nguồn tài liệu bổ sung: thư viện sách phát triển Toán và tiếng Anh, trò chơi phát triển trí tuệ, kênh khoa học cho trẻ em, hệ thống sách và học liệu bổ sung cho Chương trình giáo dục phổ thông của Mỹ.
- Lập kế hoạch chương trình, thời khóa biểu, lộ trình giáo dục.
- Các lớp học thêm: phát triển năng khiếu, thực hành khoa học, kỹ năng sinh tồn...
- Các vấn đề nảy sinh khi dạy con ở nhà, cách giải quyết.
- Trao đổi kinh nghiệm giáo dục và sự phạm, phương pháp giảng dạy.

Giáo dục gia đình ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm của phụ huynh và các nhà giáo dục nhưng nghiên cứu về các vấn đề về giáo dục gia đình vẫn còn hạn chế, Phó giáo sư Văn Như Cương, Tiến sĩ Nguyễn Tùng Lâm và Chuyên gia tư vấn giáo dục Trần Hồng Quang có chung quan điểm rằng, Việt Nam hiện nay khó có điều kiện để phát triển mô hình tự học tại nhà - homeschool [3].

Thứ nhất, về mặt pháp lý, pháp luật Việt Nam chưa có điều luật nào về giáo dục tại nhà, đồng nghĩa với việc kết quả bằng cấp của trẻ học homeschooling không được hệ thống chứng chỉ quốc gia chấp nhận. Vì vậy, ở Việt Nam, giáo dục gia đình được chia thành hai hình thức: 1/ Giáo dục gia đình toàn phần: hoàn toàn học tại nhà và không đến trường, nhận bằng homeschooling quốc tế; 2/ Giáo dục gia đình bán phần: học song bằng,

vừa tham gia học chương trình giáo dục phổ thông quốc gia, vừa học chương trình homeschooling.

Thứ hai, căn cứ vào Điều 14 Luật Giáo dục 2019, giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc, gia đình/người giám hộ có trách nhiệm đảm bảo công dân trong độ tuổi quy định hoàn thành giáo dục bắt buộc [4].

Thứ ba, vì không có trong hệ thống giáo dục Việt Nam nên chưa có chính sách hỗ trợ, giám sát và đảm bảo chất lượng việc học tập của trẻ theo hình thức homeschooling như một số nước phát triển về homeschooling.

Bối cảnh giáo dục gia đình ở Nga thì ngược lại với Việt Nam. Ở Nga, giáo dục gia đình đã hợp pháp hóa từ năm 1992, thuộc hệ thống giáo dục quốc gia; có chương trình giáo dục bằng tiếng Nga. Học sinh tham gia các kì thi do Nhà nước tổ chức để lấy chứng chỉ quốc gia/ bằng tốt nghiệp; Có các chính sách hỗ trợ từ trường học, Chính phủ và cộng đồng. Ngoài ra, trẻ có thể chuyển đổi hình thức giáo dục bất kể thời gian hay không gian, luôn có đội ngũ hỗ trợ tư vấn tâm lý và sự phạm nếu cần.

2.3. Mối quan hệ giữa vốn văn hóa và giáo dục gia đình

Để phân tích sâu hơn về các vấn đề liên quan đến sự phát triển của giáo dục gia đình, cần đề cập đến khái niệm “Vốn văn hóa gia đình”. Trong các tác phẩm của mình, P. Bourdieu đã chỉ ra ba loại vốn văn hóa chính: “Thể chế hóa, thể hiện dưới hình thức bằng cấp học thuật, tức là sự xác nhận và bảo đảm pháp lý về sự tồn tại của vốn văn hóa ở một cá nhân; đồng hóa, phản ánh trong kiến thức về các truyền thống và hình thức văn hóa, đặc biệt là những hình thức mà một cá nhân tiếp nhận trong giai đoạn đầu của quá trình xã hội hóa gia đình; khách thể hóa, thể hiện ở việc sở hữu những vật thể, vật chất cụ thể có giá trị văn hóa” [1].

Vốn văn hóa gia đình hình thành và xây dựng từ thế hệ này qua thế hệ khác, bao gồm vốn văn hóa của mỗi thành viên trong gia đình. Theo khái niệm của Bourdieu, có thể hiểu như sau: Cha mẹ có trình độ học vấn cao, có văn hóa, địa vị, thu nhập cao thì được coi là gia đình có vốn văn hóa cao. Trình độ học vấn của cha mẹ càng cao, họ càng nhận thức được những bất cập còn tồn tại trong giáo dục phổ thông và thấy được tầm quan trọng của giáo dục cá nhân hóa. Không giống như hình thức giáo dục tập trung truyền thống áp đặt các tiêu chuẩn giáo dục đại trà đối với tất cả học sinh, hình thức giáo dục cá nhân hóa coi mỗi học sinh là một cá nhân. Cha mẹ cũng cần nghiên cứu, có hiểu biết về xu hướng giáo dục, phương pháp giảng dạy và chọn cho con mình hình thức phù hợp với đặc điểm của trẻ theo quan điểm cá nhân của họ.

Cha mẹ có vốn văn hóa cao, họ luôn sẵn sàng chi trả để được tiếp cận với nền giáo dục có chất lượng trong điều kiện hiện đại. Khả năng tiếp cận dễ dàng và nắm bắt các công nghệ kỹ thuật số để hỗ trợ giáo dục. Họ cũng không ngừng nâng cao và mở rộng vốn văn hóa của mình, cũng như tích cực tiêu thụ văn hóa trong các hoạt động có ích như đọc sách, tham quan bảo tàng, nhà

hát, tham gia các cuộc thi, v.v... Khi lựa chọn giáo dục gia đình, cha mẹ biết họ muốn gì cho bản thân và con đường giáo dục của con họ cũng được lên kế hoạch có tính đến các mục tiêu nghề nghiệp trong tương lai mà con họ phải đạt được. “Những đại diện nghề nghiệp có trình độ học vấn và vốn văn hóa khá cao thường muốn con cái nối nghiệp” [1]. Gia đình có vốn văn hóa cao thì cũng nuôi dạy con cái có vốn văn hóa cao (kể thừa vốn văn hóa). Điều kiện học tập với sự đầu tư, trẻ được tham gia giáo dục bổ sung để đa dạng hóa vốn văn hóa của trẻ, không chỉ bồi dưỡng kiến thức môn học, còn hình thành các phẩm chất, kỹ năng, phát triển năng khiếu, thể thao. Thậm chí, trẻ em còn được bố mẹ đầu tư cho các lớp học về ứng xử, phép tắc xã giao, thương thức, thẩm mỹ... Ở những gia đình có vốn văn hóa cao, cha mẹ kì vọng và đòi hỏi ở con cái kết quả học tập cao hơn, đặc biệt đối với việc hình thành khả năng thông thạo ngoại ngữ nước ngoài cho trẻ. Cha mẹ cần hiểu rõ đặc điểm của con (năng lực học tập, năng khiếu, sở thích, sức khỏe, đặc điểm tâm sinh lý), đồng thời nắm rõ thực trạng của gia đình (vai trò, kinh tế, thời gian, kiến thức và khả năng sự phạm) để đạt kết quả mong đợi.

2.4. Ảnh hưởng của vốn văn hóa gia đình đến sự phát triển giáo dục gia đình ở Việt Nam và Nga

Để xác định mối quan hệ giữa trình độ phát triển vốn văn hóa của gia đình và thái độ đối với giáo dục gia đình đã tiến hành nghiên cứu xã hội học nhằm có cái nhìn khách quan và thực tiễn về vấn đề này.

Giả thuyết nghiên cứu: Vốn văn hóa của gia đình không chỉ là nguồn lực để dạy dỗ trẻ em thành công trong khuôn khổ giáo dục truyền thống mà còn cho phép gia đình lựa chọn hình thức và phương pháp giáo dục cho các trường hợp có nhu cầu giáo dục đặc biệt như là giáo dục gia đình. Giáo dục gia đình phát triển và được đánh giá tích cực dựa trên vốn văn hóa của gia đình (dựa trên của cải vật chất; trình độ học vấn của các thành viên lớn tuổi trong gia đình, địa vị xã hội - nghề nghiệp của họ; trình độ phát triển văn hóa chung của gia đình, sự tham gia của gia đình vào các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống cộng đồng...). Nghiên cứu được thực hiện ở Nga và Việt Nam với hai hoàn cảnh khác nhau, hai điều kiện phát triển khác nhau của giáo dục gia đình. Tuy hai nước khác nhau về giáo dục, văn hóa, thể chế nhưng có điểm chung là vốn văn hóa của các gia đình thực hiện giáo dục gia đình khá cao.

Câu hỏi số 1 nhằm để xác định mức độ vốn văn hóa gia đình của họ. Nhóm câu hỏi khai thác các thông tin về: độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, nghề nghiệp, nơi làm việc, thu nhập, sở thích, khả năng sở hữu ngoại ngữ, số lượng con cái trong gia đình, tình trạng hôn nhân của cha mẹ, thư viện trong gia đình, duy trì nề nếp văn hóa, định hướng cho con cái học cao hơn.

Câu hỏi số 2 nhằm xác định các mối quan hệ trong gia đình dựa trên trình độ phát triển vốn văn hóa của gia đình họ. Các vấn đề được hỏi: mối quan hệ giữa cha

mẹ và con cái, việc nắm bắt sở thích và tâm lí của con, dành bao nhiêu thời gian giải trí cùng con.

Câu hỏi số 3 nhằm xác định quan điểm của người được hỏi về vấn đề phát triển giáo dục gia đình. Bao gồm các câu hỏi về: hình thức giáo dục gia đình, giáo dục bổ sung, thực tế việc tìm kiếm và nghiên cứu về giáo dục gia đình, quan điểm về bồi dưỡng kỹ năng sự phạm, mức độ cần thiết của sự hỗ trợ của nhà nước đối với giáo dục gia đình.

Khảo sát được thực hiện dưới hình thức khảo sát trực tuyến. Ở Việt Nam, link khảo sát được gửi đến các nhóm về lĩnh vực homeschooling trên Facebook, người thực hiện khảo sát là các cha mẹ người Việt. Đối với khảo sát ở Nga, link được gửi đến các nhóm homeschooling thuộc mạng xã hội VKontakte của Nga, người thực hiện là các cha mẹ người Nga. Cuộc khảo sát được thực hiện từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2022, lấy 135 kết quả ở mỗi nước.

2.5. Kết quả khảo sát

Thông tin chung về những người tham gia khảo sát:

- Ở cả hai nước, người thực hiện khảo sát chủ yếu là phụ nữ, có độ tuổi tập trung từ 30 - 40 tuổi, đa số là gia đình có 2 con, thành phần gia đình đều có cha mẹ đầy đủ, gia đình có nề nếp văn hóa.

- Gần một nửa phụ huynh ở Việt Nam không làm việc tại nhà (45,6%), ở Nga chỉ có 1/4; còn số lượng làm việc tại nhà không có sự chênh lệch nhiều giữa hai nước (Nga: 35,6%; Việt Nam: 33,1%). Số phụ huynh không làm việc, ở nhà nội trợ và chăm sóc con cái ở Nga chiếm tỉ lệ gần 1/5 tổng số người tham gia, ở Việt Nam tỉ lệ này khá thấp. Do đó có thể thấy, người mẹ đang đóng vai trò nhiều hơn trong việc giám sát, thực hiện quá trình giáo dục gia đình.

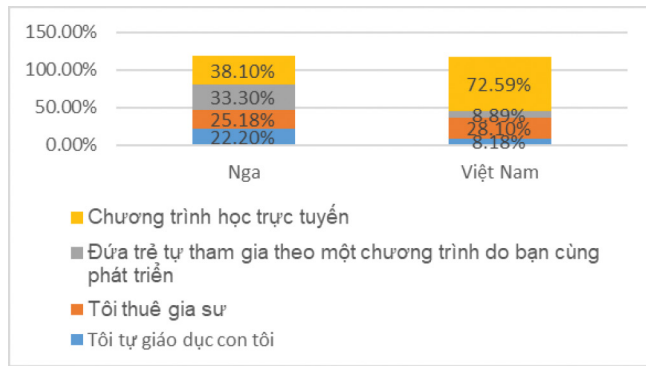
2.5.1. Quan điểm về vấn đề phát triển giáo dục gia đình

Chương trình học trực tuyến/trường học trực tuyến được các bậc phụ huynh tin tưởng lựa chọn nhiều nhất khi giáo dục gia đình (xem Bảng 1). Ngoài ra, gần một nửa các phụ huynh tại Nga tự mình xây dựng lộ trình, chương trình giáo dục và trực tiếp giáo dục con như một giáo viên. Có thể thấy, họ tự tin vào khả năng giáo dục của mình, chương trình giáo dục gia đình bằng tiếng mẹ đẻ nên không có nhiều rào cản đối với họ và họ tôn trọng các nguyện vọng học tập của trẻ. Cha mẹ ở Việt Nam chủ yếu là gián tiếp giáo dục, giám sát và hỗ trợ con học tập là chính, họ sẽ sử dụng dịch vụ giáo dục từ bên thứ ba (ví dụ như chương trình học trực tuyến Acellus, Abeka).

Giáo dục bổ sung luôn được các phụ huynh chú trọng đầu tư, ở Nga với 91,11% và ở Việt Nam với 86,7% gia đình cho trẻ em tham gia giáo dục bổ sung trong quá trình giáo dục gia đình. Điều này vừa giúp nâng cao, mở rộng các lĩnh vực kiến thức, vừa đảm bảo quá trình xã hội hóa cho trẻ.

Thông tin ở Nga được các cha mẹ tìm kiếm chủ yếu

Bảng 1: Các hình thức tổ chức quá trình giáo dục trong giáo dục gia đình (có thể lựa chọn nhiều phương án)



Bảng 2: Nguồn thông tin, tham khảo về giáo dục gia đình

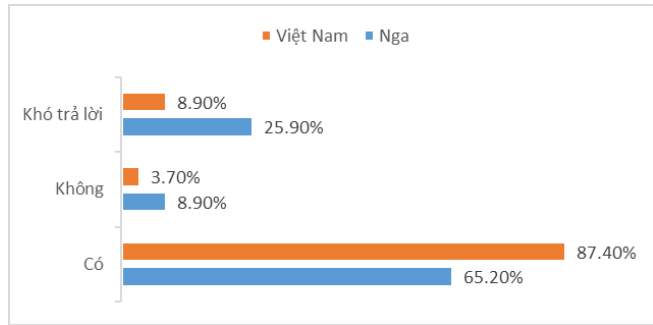
Bạn có theo dõi các bài báo khoa học trên tạp chí, sách, chương trình phát thanh và truyền hình về giáo dục và nuôi dưỡng không?	Nga	Việt Nam
Có	47,8%	37,8%
Thỉnh thoảng	41,2%	48,1%
Không bao giờ	11%	14,1%

qua các phương tiện truyền thông (71,1%), mọi thông tin đều có thể tìm kiếm qua Internet và các trang web. Đối với Việt Nam, thông tin về giáo dục gia đình còn rất hạn chế và nguồn thông tin trên các trang web trong nước còn khan hiếm, nội dung không đa dạng, thiếu trọng tâm. 58,5% việc tìm kiếm thông tin về homeschooling được phụ huynh Việt Nam thực hiện chủ yếu thông qua mạng xã hội (nơi thảo luận, cập nhật, tổng hợp thông tin đa dạng, có cả một số nghiên cứu khoa học) và trên các trang nước ngoài. Trong một gia đình, trách nhiệm của cha mẹ rất cao nên không có gì ngạc nhiên khi cha mẹ cần bổ sung kiến thức về giáo dục và nuôi dạy con thông qua các nguồn thông tin chính thống như sách báo, đài phát thanh, truyền hình. Như vậy, cha mẹ cũng chủ động không ngừng bồi dưỡng vốn văn hóa của họ để cải thiện quá trình giáo dục con (xem Bảng 2).

Theo chia sẻ ý kiến của phụ huynh ở Nga (28,9%) và Việt Nam (25,2%), họ cho rằng không quan trọng việc bồi dưỡng kỹ năng sự phạm trong quá trình dạy dỗ con tại nhà; đa số phụ huynh còn lại thì rất tán thành. Phụ huynh đã nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng sự phạm khi họ là những người chịu trách nhiệm chính cho chương trình học tập của con. Điều đó sẽ giúp ích rất nhiều trong việc dạy dỗ con cái cũng như xử lý tình huống sự phạm phát sinh ở hoàn cảnh dạy học tại nhà.

Ý kiến chủ yếu của phụ huynh về sự hỗ trợ của nhà nước đối với giáo dục gia đình ở Nga: 37,78% là yêu cầu hỗ trợ tiền, vật chất, đền bù thiệt hại cho gia đình. Họ đã có sự tìm hiểu và nắm bắt rõ luật và mong muốn nhận được các khoản bồi thường, đảm bảo các quyền

Bảng 3: “Nhà nước có nên hỗ trợ tổ chức giáo dục gia đình?”



lợi giáo dục tối thiểu cho con cái theo các điều Luật Giáo dục quy định. Giáo dục gia đình ở Nga vẫn phát triển đều đặn với sự tham gia và quan tâm ngày càng tăng của các gia đình, thể hiện sự thành công và vị thế của nó. Đồng nghĩa với điều đó là sự kiểm soát của Chính phủ, những chính sách mới mang tính chất hỗ trợ nhưng cũng quy định ngày một chặt chẽ hơn, phụ huynh đang không hài lòng về sự kiểm soát này.

Những phụ huynh trả lời khảo sát ở Việt Nam có thêm một câu hỏi cụ thể: “Con bạn có tham gia vào giáo dục gia đình dưới hình thức: toàn phần hay một phần”. Đánh giá qua số liệu khảo sát của phía Việt Nam, nhận thấy sự không ổn định của quá trình tham gia giáo dục gia đình. 74,1% số người tham gia chỉ tuân theo hình thức giáo dục gia đình một phần (giáo dục kép). Giáo dục gia đình toàn phần (25,9%) ở Việt Nam gặp nhiều vấn đề về pháp lý, chứng nhận, chỉ trích của công chúng, thiếu tính xác thực của các mô hình giáo dục gia đình... Vì vậy, nhiều gia đình đã phải cho con quay lại trường vì không lường trước được những trắc trở. Thực tế, trẻ tham gia giáo dục gia đình toàn phần, định hướng của gia đình và học sinh là du học nước ngoài hoặc các trường quốc tế chấp nhận bằng homeschooling.

Tại Việt Nam, không có hệ thống pháp lý đảm bảo quyền lợi học tập của trẻ trong hình thức giáo dục gia đình. Cha mẹ không nhận được sự hỗ trợ từ nhà trường hay Chính phủ, họ gặp khó khăn trong việc tổ chức giáo dục gia đình toàn diện. Vì thế, hầu hết các gia đình chọn giáo dục gia đình một phần (học song bằng). 50,37% các ý kiến được đưa ra trong cuộc khảo sát ở Việt Nam đều hướng tới mục tiêu xây dựng một chế độ giáo dục gia đình toàn phần tương tự như các nước phát triển trên thế giới. Đặc biệt là vấn đề hợp pháp hóa giáo dục gia đình như ở nhiều nước khác và phát triển các nguồn lực bổ sung để hỗ trợ giáo dục gia đình. 12,07% phụ huynh có mong muốn được “hỗ trợ mở các lớp tập huấn, tọa đàm, hội thảo về tâm lý giáo dục/hỗ trợ và tư vấn công nghệ giáo dục/tổ chức các hoạt động liên quan đến giáo dục gia đình”. Các bậc cha mẹ ở Việt Nam hiểu rằng, họ sẽ gặp nhiều thách thức khi lựa chọn hình thức giáo dục này, tuy nhiên sự hiệu quả với ưu điểm chi phí hợp lý nhưng tiếp cận được giáo dục chất lượng cao của giáo dục gia đình là điều họ muốn hướng đến. Để đồng hành cùng con khi giáo dục gia đình họ bắt đầu trở thành

các nhà nghiên cứu giáo dục. Giáo dục gia đình ở Việt Nam mặc dù có nhiều rào cản nhưng kết quả mang lại rất khả quan nên nhiều phụ huynh chấp nhận rủi ro vẫn kiên trì thực hiện và phổ biến chúng đến cộng đồng các phụ huynh.

2.5.2. Mức độ phát triển vốn văn hóa gia đình

Từ kết quả ở Bảng 4 cho thấy, hầu hết các bậc cha mẹ tham gia khảo sát đều có trình độ đại học/sau đại học, có nghề nghiệp, thu nhập khá cao chiếm đa số, có thu viện gia đình và định hướng cho con cái học lên cao. Tỷ lệ phụ huynh sở hữu ngoại ngữ ở Việt Nam chiếm một nửa (54,8%) và cao hơn Nga (34,8%), vì trẻ em Việt Nam học theo chương trình homeschooling của nước ngoài (chủ yếu là Anh, Mỹ). Với cha mẹ biết ngoại ngữ thì tỷ lệ trẻ có khả năng sở hữu ngoại ngữ sẽ cao hơn so với các gia đình mà cha mẹ không biết ngoại ngữ. Mặt khác, ngoại ngữ giúp cha mẹ tiếp cận với nhiều nguồn tài liệu nước ngoài về homeschooling, góp phần đa dạng bài học, tìm kiếm định hướng và kết nối được với các gia đình đang thực hiện homeschooling trên thế giới. Đối với câu hỏi “Bạn có sở thích gì ngoài nghề nghiệp?”:

- Phía Nga, các câu trả lời liên quan đến “Nhà hát”, “Bảo tàng và phòng trưng bày nghệ thuật”, “Đọc sách”, “Du lịch và khám phá” chiếm 68,9% tổng số câu trả lời.

- Phía Việt Nam, các câu trả lời “Đã ngoại, trải nghiệm”, “Thể thao”, “Du lịch” thường được chọn, chiếm 62,22% tổng số câu trả lời.

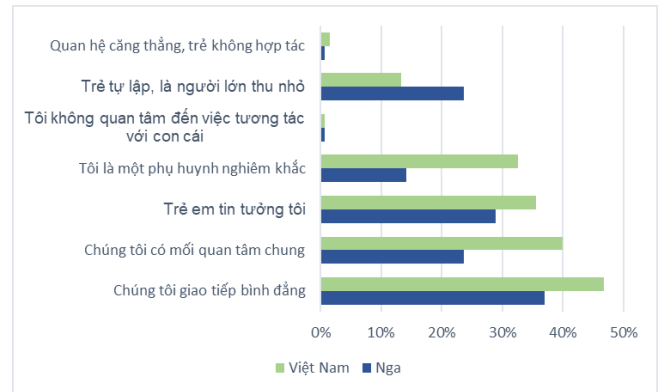
Sở thích phản ánh việc nâng cao và tiêu thụ vốn văn hóa của bản thân. Trong khi người Nga có xu hướng thích văn hóa nghệ thuật, đọc sách và du lịch thì người Việt Nam tập trung hơn vào các hoạt động ngoài trời, giải trí và thể thao.

Có thể thấy, vốn văn hóa gia đình của người tham gia khảo sát ở cả hai nước đều khá cao, các gia đình đều đảm bảo về mặt kinh tế, tri thức, văn hóa. Vốn văn hóa cũng được các gia đình củng cố và không ngừng bồi

Bảng 4: Đặc trưng cho vốn văn hóa của gia đình người tham gia khảo sát

Trình độ học vấn	Nga	Việt Nam
Đại học/sau đại học	77,8%	74,1%
Thu nhập gia đình/tháng	Nga	Việt Nam
Thu nhập cao (trên 75 triệu)	22,2%	29,6%
Thu nhập khá (từ 36 - 75 triệu)	42,2%	44,4%
Thu nhập trung bình (từ 18 - 35 triệu)	34,1%	23,7%
Có thư viện gia đình:	Nga	Việt Nam
Có	80,7%	73,3%
Định hướng cho trẻ học đại học, sau đại học:	Nga	Việt Nam
Có	71,9%	60,8%
Trẻ có quyền tự quyết định	28,1%	33,3%

Bảng 5: Mối quan hệ của cha mẹ và con cái (có thể lựa chọn nhiều phương án)



Bảng 6: Mức độ chăm sóc của cha mẹ dành cho con cái và mức độ tin tưởng giữa họ

Bạn có biết sở thích của con không?	Nga	Việt Nam
Có	68,1%	51,1%
Không phải tất cả	31,9%	48,9%
Bạn có hiểu và nắm bắt được tâm lí của con mình?	Nga	Việt Nam
Có	68,9%	68,1%
Không chắc chắn	31,1%	29,6%
Bạn có thường dành thời gian giải trí với con cái không?	Nga	Việt Nam
Luôn luôn	16,3%	8,9%
Thường xuyên	59,3%	45,9%
Thỉnh thoảng	23%	40,7%
Tôi không có thời gian rảnh	1,4%	4,4%

dưỡng qua các hoạt động giải trí, chuyên môn, nghiên cứu về giáo dục và nuôi dạy con cái.

2.5.3. Đặc điểm mối quan hệ trong gia đình

Trẻ em là những cá thể riêng biệt và độc lập nhưng mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái là mối liên kết tình cảm gia đình, trách nhiệm và nghĩa vụ trong suốt cuộc đời. Những đứa trẻ cần sự quan tâm của cha mẹ, đặc biệt là trong môi trường giáo dục gia đình, mối quan hệ gia đình dễ bị căng thẳng khi cha mẹ cũng đóng vai trò là giáo viên (xem Bảng 5).

Nhìn chung, mối quan hệ trong gia đình vẫn hài hòa với sự giao tiếp bình đẳng, có sự chia sẻ và tin tưởng giữa đôi bên, còn gia đình rơi vào hoàn cảnh căng thẳng chỉ chiếm phần trăm rất nhỏ. Bảng 5 cho chúng ta thấy rằng, văn hóa nuôi dạy con cái ở mỗi quốc gia có nét khác nhau. Trẻ em ở Nga thường được giáo dục theo chiều hướng chủ nghĩa cá nhân, sống tự lập dù vẫn còn nhỏ, cha mẹ khuyến khích con thể hiện bản thân và tôn trọng các quyết định của con cái. Còn ở Việt Nam, một số bậc cha mẹ vẫn giữ cách nuôi dạy con cái nghiêm khắc của các thế hệ trước.

Phần lớn phụ huynh đều nắm bắt được tâm lý và sở thích của con, tuy nhiên số lượng phụ huynh Việt Nam thiếu sự chú ý về sở thích của con chiếm một nửa người tham gia. Kết quả cho thấy, phụ huynh ở Nga dành nhiều thời gian giải trí với trẻ hơn các gia đình ở Việt Nam. Vì giáo dục gia đình ở Nga diễn ra toàn diện, do đó cần có người giám sát và giáo dục trẻ tại nhà, gần như cha hoặc mẹ sẽ đảm nhận vai trò như một giáo viên. Nên họ có nhiều thời gian hơn bên con, việc hiểu rõ sở thích của trẻ là điều khá dễ dàng. Tỷ lệ cha mẹ ở Việt Nam không làm việc tại nhà chiếm gần một nửa (45,6%), do đó thời gian giải trí với trẻ sẽ ít hơn, sự tương tác cũng bị hạn chế. Cha mẹ không chỉ có vốn văn hóa cao mà còn rất quan tâm nắm bắt được tâm lý, sở thích của con cái giúp duy trì sự thấu hiểu lẫn nhau, biết được tầm quan trọng trong việc dành thời gian giải trí với trẻ để tăng sự gắn kết.

3. Kết luận

Hầu hết các gia đình tham gia giáo dục gia đình tại Việt Nam và Nga đều có vốn văn hóa cao, sở hữu tiềm lực về kinh tế, tri thức, văn hóa và không ngại bỏ thời gian để đầu tư, nghiên cứu giáo dục con trẻ.

Giáo dục gia đình bao gồm cả quá trình nuôi dạy tại nhà, môi trường gia đình khác với trường học, mối quan hệ giữa cha mẹ-con cái khác mỗi quan hệ học sinh - giáo viên. Nga là nước khôi phục lại giáo dục gia đình

từ sớm, các quyền lợi giáo dục của trẻ em luôn được đảm bảo, hỗ trợ đầy đủ từ vật chất đến chuyên môn, trong đó có tư vấn tâm lý - tư phạm. Mặc dù Việt Nam thiếu các nguồn lực hỗ trợ nhưng vẫn có thể thấy sự cân bằng giữa việc tự giáo dục tại nhà và nuôi dưỡng trẻ. Các chỉ số về phân mối quan hệ trong gia đình, nắm bắt tâm lý hay dành thời gian cho con ở cả hai nước đều đạt mức ổn định, theo chiều hướng tích cực.

Trẻ em từ các gia đình có trình độ học vấn và tình trạng cha mẹ khác nhau có được các giá trị, kỹ năng, động lực và khuynh hướng học tập khác nhau trong quá trình xã hội hóa. Cơ hội đạt được một trình độ học vấn nhất định đa phần được quyết định bởi mức độ sẵn sàng đầu tư cho giáo dục, vốn văn hóa gia đình càng cao thì lệ thuận với mức vốn đầu tư càng lớn. Phần lớn cha mẹ lựa chọn giáo dục gia đình ở Việt Nam đều có mục đích giúp con thành thạo tiếng Anh để du học hoặc chỉ đơn giản là chuẩn bị hành trang cho sự phát triển nghề nghiệp của con sau này. Còn ở Nga, giáo dục gia đình như một lựa chọn cho sự giáo dục tự do, tập trung vào tiềm năng, sở thích của trẻ và có quá trình định hướng nghề nghiệp rõ ràng. Không thể phủ nhận rằng, dù giáo dục gia đình ở Nga và Việt Nam có những đặc điểm, khó khăn riêng nhưng tốc độ phát triển của hình thức này chỉ tăng chứ không giảm. Vốn văn hóa gia đình cao phần nào giảm thiểu rủi ro trong quá trình giáo dục gia đình là trang bị cả về mặt vô hình và hữu hình.

Tài liệu tham khảo

- [1] Магомедов, М. Г. (2017), *Vốn văn hóa của gia đình như một yếu tố di động xã hội trong điều kiện thực tế xã hội của xã hội Nga hiện đại*, Гуманитарий Юга России, (2), 194-201.
- [2] Nghị định của Chính quyền quận Elovsky, (2013), *Quy định về giáo dục phổ thông tiểu học, phổ thông cơ bản, phổ thông trung học dưới hình thức giáo dục gia đình tại quận thành phố Elovsky*.
- [3] Lê Thu, (2017), *PGS Văn Như Cương: “Mô hình Homeschool không thích hợp ở Việt Nam”*, Truy cập ngày 15 tháng 5 năm 2023, <https://dantri.com.vn/giao-duc-huong-nghiep/pgs-van-nhu-cuong-mo-hinh-homeschool-khong-thich-hop-o-viet-nam-20170504073449891.htm>.
- [4] Quốc hội, (14/6/2019), *Luật Giáo dục 2019 số 43/2019/QH14*.
- [5] Hamlin, D., (2019), Do homeschooled students lack opportunities to acquire cultural capital? Evidence from a nationally representative survey of American households. *Peabody Journal of Education*, 94(3), 312-327.

CULTURAL CAPITAL AS A CONDITION FOR HOMESCHOOLING DEVELOPMENT

Dang Minh Phuong

Email: phuongdm@gesd.edu.vn
The Vietnam Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: A long-standing educational practice, homeschooling has steadily faded away with the establishment of the general education system, universalization of education, and compulsory education. Although various nations around the world now acknowledge this type of education, in Vietnam it is merely an ad hoc practice lacking any formal scientific or legal foundation. The study examines homeschooling in Vietnam and Russia, where it is practiced in two distinct contexts, using data from sociological research. The study's findings show that family cultural capital, which is passed down through inheritance and reproduction, is a valuable resource for fostering homeschooling in contemporary society.

KEYWORDS: Cultural capital, family cultural capital, home education, homeschooling, Vietnam.